

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO TRÍ VIỆT CHO GIÁO DỤC VIỆT

• Đặng Quốc Bảo^(*), Phạm Minh Giản^(**), Tăng Thái Thụy Ngân Tâm^(**)

Tóm tắt

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại nhiều cơ hội và không ít thách thức cho giáo dục Việt Nam hiện nay. Hiểu được tầm quan trọng của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vận dụng sáng tạo vào tình hình giáo dục Việt Nam là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Bài viết trình bày những đặc trưng cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với sứ mệnh giáo dục; từ đó đưa ra bốn vấn đề then chốt phát triển giáo dục Việt: kiến tạo nhà trường, xây dựng hệ thống giáo dục, xác định hệ giá trị và tổ chức rèn luyện cho thế hệ trẻ, đào tạo và bồi dưỡng hiệu trưởng.

Từ khoá: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, giáo dục Việt, Trí việt.

1. Đặt vấn đề

Các nhà lãnh đạo Việt Nam đều ý thức vai trò quan trọng của giáo dục trong động thái Cách mạng công nghiệp (CMCN) lần thứ tư (4.0)/ thời đại tri thức đã có nhiều huấn thị sâu sắc cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục thích ứng với động thái của CMCN.

Giáo dục đất nước ta đi vào động thái CMCN 4.0/ thời đại tri thức khác với nhiều nước. Đất nước có thuận lợi vì nhân dân ta đều rất hiếu học. Người Việt có minh triết sống: “Con hơn cha là nhà có phúc”. Tuy nhiên, mặt bằng kinh tế hiện đang thua thấp so với nhiều nước trong vùng. GDP tính theo đầu người mới bằng 2/3 Thái Lan, 1/5 Malaisia, 1/15 Singapore... Nhiều nhiệm vụ của CMCN 1.0, CMCN 2.0, CMCN 3.0 còn chưa hoàn thành. Nhiều vấn đề về văn hóa, xã hội, môi trường còn ngổn ngang, dờ dang...

Tuy nhiên, giáo dục đất nước lại không thể chần chừ, bị động trước xu thế sôi nổi của thời đại. Thực hiện giáo dục vừa đòi hỏi sự khẩn trương lại cần sự bình tĩnh, sự đam mê lại biết thận trọng, sự quyết liệt lại biết tinh táo. Xử lý “Khinh trọng” cần được quán triệt trong chính sách - chiến lược kế hoạch giáo dục thực tiễn. Với tầm quan trọng của CMCN 4.0 đối với giáo dục Việt, chúng tôi trình bày sự nhận thức về bốn vấn đề phát triển giáo dục trong bối cảnh hiện nay, góp phần phát triển cho Trí Việt cho giáo dục Việt.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng cơ bản của CMCN 4.0/thời đại tri thức và sứ mệnh của giáo dục

CMCN 4.0/ thời đại tri thức là phạm trù kép. Nói tới CMCN 4.0 là nói tới thời đại tri thức của các nhà quản lý. Xin trình bày dưới đây một số lời bàn luận đã được nêu nhiều trên sách báo:

CMCN 4.0 là một cách gọi cho xu hướng tự động hóa và trao đổi dữ liệu trong công nghệ sản xuất. Nó bao gồm các hệ thống thực ảo (Cyber - Physical Systems CPS), mạng lưới Internet vạn vật (Internet of things - IOT), điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo. Trong CMCN 4.0 mỗi công dân trở thành một công dân số, mỗi doanh nghiệp trở thành một doanh nghiệp số, mỗi người lãnh đạo trở thành một lãnh đạo số.

Nếu dùng những cụm từ ngắn gọn để chỉ sự tiếp biến từ CMCN 1.0 đến CMCN 4.0, có thể diễn đạt như sau:

CMCN 1.0 là cách mạng cơ khí hóa, động lực: máy hơi nước diễn ra từ thế kỷ XVIII.

CMCN 2.0 là cách mạng điện khí hóa, động lực máy phát điện, diễn ra từ đầu thế kỷ XIX.

CMCN 3.0 là cách mạng tin học hóa, động lực máy vi tính, diễn ra từ thập niên 70 của thế kỷ XX.

CMCN 4.0 là cách mạng kết nối hóa, động lực Internet, đang diễn ra ở thời đại ta đang sống.

Quý III năm 2016, Nhà xuất bản Lao động - Tập đoàn EDX xuất bản cuốn sách ấn tượng: “Giáo dục trong thời đại tri thức”. Những người tổ chức sách trong dẫn luận đã diễn tả khá súc tích bước chuyển từ xã hội truyền thống sang hình thái

^(*) Viện Trí Việt.

^(**) Trường Đại học Đồng Tháp.

mới. Sách này viết: “Từ thế kỷ thứ XVIII đến thế kỷ XX, các nước dần chuyển sang thời kỳ xã hội công nghiệp. Cuộc cách mạng năng suất thời kỳ này bắt đầu bùng nổ khi con người phát sinh ra động cơ hơi nước, khám phá, phát minh và khai thác ra các nguồn năng lượng mới như điện, than, dầu mỏ...”

Thời kỳ này năng suất sản xuất đã bùng nổ nhờ vào ứng dụng mô hình quản trị sản xuất tiên tiến được khởi xướng bởi Adam Smith và Winslow Taylor, người được mọi người gọi là “Cha đẻ của quản lý theo khoa học” [3, tr. 10].

Họ đã chỉ ra một cách khá hình ảnh thời đại tri thức: “Đây là một cuộc cách mạng mềm, nó diễn ra rất nhẹ nhàng và mau lẹ, nó hình thành nên một thế hệ công nghiệp mới, các tỉ phú dollar mới trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Với xã hội tri thức, nhân tố chính là tốc độ (cả nhanh nuốt cả chậm chứ không phải là cá lớn nuốt cá bé) với các ngành công nghiệp thay thế vật tư bằng vật tư mới và tiên tiến như silicon composit. Quá trình thu nhỏ với việc phát triển các kỹ thuật mới dưới micro trong điện tử, và quy trình chế tạo được phát triển ở mức nano được kiểm soát bằng những robot thay vì con người. Bởi vì những nhân tố này, việc chế tạo sẽ dùng ít năng lượng, ít lao động kỹ năng thấp mà thay vào đó là công nhân có kỹ năng cao, có giáo dục đại học.

Công nghệ và kỹ nghệ dần trở thành phương tiện để phát triển xã hội mới. Sáng tạo tập thể của số đông người trở thành động lực phát triển chính của xã hội, khác với trước đây sáng tạo chỉ giới hạn trong một số nhà khoa học tên tuổi... Công nghệ và kỹ nghệ lấy mục đích chung là tạo ra môi trường phát triển và cộng tác để phát huy hết khả năng tiềm ẩn của con người.” [3, tr. 12-13].

Trong “Giáo dục trong thời đại tri thức”, John Vũ nói về vai trò giáo dục trong cuộc cách mạng này: “Giáo dục là nền tảng của xã hội tri thức. Hệ thống giáo dục cần thúc đẩy công nghệ thông tin, chuyển giao các phương pháp dạy mới kiểu như: “bài giảng theo nhu cầu”, “e learning” và “học qua hành”. Vai trò của người giáo viên không còn là “người truyền thụ tri thức” mà là “thầy kèm” và “người hỗ trợ”, người có thể hướng

dẫn cho sinh viên trong việc đạt tới mục đích học tập của họ. Trong hệ thống giáo dục mới, trường học là đối tác với ngành công nghiệp để tạo ra giá trị đáp ứng cho nhu cầu của ngành công nghiệp [3, tr. 17-18].

Ông bày tỏ cảm nghĩ: “Giáo dục truyền thống tập trung vào việc cung cấp “tri thức chung” cho sinh viên. Trong hệ thống này sinh viên phải học nhiều thứ theo nghĩa vụ. Họ biết chút ít về lịch sử, chút ít về địa lý, chút ít về văn học, chút ít về nghệ thuật và chút ít về xã hội bên cạnh những việc học tập chính của họ. Tuy nhiên điều đó cũng lấy đi thời gian từ quỹ thời gian giới hạn của sinh viên có trong trường.

Ngày nay ở nhiều nước, những khu vực tri thức chung này đang bị bỏ bớt vì có thể thu được từ Internet, bài học trực tiếp và sách điện tử. Tri thức chung cho sinh viên đại học ngày nay hầu hết tập trung vào khoa học, công nghệ, kỹ nghệ và toán học (STEM)... Sinh viên phải phát triển kỹ năng tư duy phê phán để phân tích và ra quyết định về các biến cố cuộc đời.

Sinh viên phải học phân tích “sự kiện” với “hư cấu”, “dữ liệu” với “giả định”, “hiện thực” với “chân ý” rồi đi tới kết luận riêng của họ.

Ông cho rằng, sinh viên đại học ngày nay “phải đọc nhiều hơn sinh viên đại học trong quá khứ và có nhiều thông tin sẵn có và họ phải hiểu cách các thế giới vật lý, văn hóa và kỹ thuật vận hành cùng nhau, chỉ thế thì sinh viên mới có thể trở thành người tham gia tích cực trong thế giới được dẫn lối bởi công nghệ này” [3, tr. 31].

2.2. Bốn vấn đề then chốt của phát triển giáo dục trước động thái CMCN 4.0/thời đại tri thức

Bốn vấn đề bao gồm: Kiến tạo nhà trường; Xây dựng hệ thống giáo dục; Xác định hệ giá trị và tổ chức rèn luyện cho thế hệ trẻ, đào tạo, bồi dưỡng Hiệu trưởng nhà trường.

2.2.1. Kiến tạo “Nhà trường 4-6-10”

a. Kiến tạo “Nhà trường 4-6-10”

Sinh thời, Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn đề cập việc kiến tạo “Nhà trường 4-6-10” xin thuật lại một số ý tưởng chủ đạo của ông.

“Số 4” hướng đến hoạt động của người thầy: Người thầy biết phân hóa đối tượng giáo dục để dạy theo “bốn sức”: “Sức chứa; Sức hút; Sức thấm; Sức chế biến”. Cần lưu ý có học sinh ở lĩnh vực này sức chứa là bình thường, song ở lĩnh vực khác sức chứa lại rất đáng nể trọng.

Giáo sư Nguyễn Cảnh Toàn thường kể lại câu chuyện của cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng khi ông là Chủ tịch của Ban Cải cách giáo dục Trung ương cho Ban lãnh đạo Bộ Giáo dục: “Ai cũng biết Bethoven là nhà soạn nhạc vĩ đại nhất của mọi thời đại cho đến nay, thế mà ông không biết làm toán nhân. Sau một đợt nhiều cuộc biểu diễn với số tiền thù lao giống nhau cho mỗi cuộc, ông cộng những số tiền đều giống nhau đó để con số chung”.

Phạm Văn Đồng nhấn nhủ người thầy: “Phép màu nhiệm nhất trong việc dạy học là khơi dậy kho báu tư duy của mỗi người và đây là của học sinh. Để làm tốt việc này phải có môi trường tốt, môi trường vật chất là tương thích với các phương tiện dạy học, song quan trọng hơn là người dạy tốt, có tâm huyết, có kiến thức và nhất là biết cách dạy”.

Người thầy vô luận làm việc ở loại trường nào cũng phải thực hiện 3 nhiệm vụ: người truyền đạo, người thụ nghiệp, người giải hoặc cho trò (sáng lẽ lớn).

“Người thầy trong nhà trường của CMCN 4.0 phải đóng được cả 5 vai: Người dạy tri thức, truyền thụ tri thức; Người huấn luyện phương pháp học tập; Người kích thích động cơ học tập; Người truyền và kiến tạo cảm hứng trong học tập; Người xây dựng hoài bão. Nói theo ngôn ngữ quản lý, người thầy đồng thời là: Người chỉ huy; Người thiết kế, Người dẫn dắt; Người cố vấn. Người thầy giúp cho học trò có tư duy phản biện, có năng lực hợp tác, biết giao tiếp lịch sự và biết khám phá sáng tạo”.

Người thầy tạo ra môi trường học tập thách thức cho trò, lấy thân giáo lớn > ngôn giáo, hoạt động theo phương châm “Hữu giáo vô loại” (không ai là không dạy được) và minh triết: “Tất cả vì học sinh thân yêu” mà nhà trường “Bác Lý” đã hiện thực.

“Số 6” hướng đến việc học của người trò - người học: Học mọi nơi; Học mọi lúc; Học mọi vấn đề; Học mọi người; Học bằng mọi cách; Học trong mọi hoàn cảnh.

Người học trong cuộc sống đang diễn ra phải học bằng sự “trách nhiệm”, theo phong cách 3C: C1/Collecting - Tích lũy nhiều; C2/Caculating - Xử lý tinh; C3/Communication - Giao lưu rộng.

Nguyễn Cảnh Toàn từng nêu một châm ngôn của tiền nhân mà các cụ thân sinh trao cho thầy từ lúc niên thiếu: “Tam nhân đồng hành tất hữu ngã sư; Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi; Kỳ bất thiện giải nhi cải chi” (Trong ba người cùng đi chắc có người là thầy của ta; Lựa điều thiện mà theo; Thấy điều ác, điều xấu mà tránh).

Nguyễn Cảnh Toàn cũng nhắc đến công thức POWER ngày nay đang được coi là học phong của nhà trường Âu - Mỹ:

P - Planning (Tự kế hoạch chương trình học tập)

O - Organizing (Tự tổ chức hiện thực kế hoạch)

W - Working (Làm việc khoa học theo kế hoạch)

E - Evaluating (Tự đánh giá kết quả)

R - Recognizing (Tự xây dựng hiểu biết mới).

“Số 10” hướng đến sự hợp tác của “Thầy trò phát triển 10 vấn đề tư duy”: Tư duy logic; Tư duy hình tượng; Tư duy biện chứng; Tư duy ngôn ngữ; Tư duy quy trình - Tư duy Angôrit; Tư duy khoa học chứng nghiệm; Tư duy kỹ thuật - công nghệ; Tư duy kinh tế; Tư duy chính trị; Tư duy quản lý. Trong cuộc đời mới đang diễn ra, vô luận việc thiết kế chương trình môn, mặt hoạt động giáo dục... theo kiểu nào thì cốt lõi của nó phải bao quát 10 loại tư duy trên.

Nguyễn Cảnh Toàn lưu ý đến luận điểm của Khổng Tử về “Học - Tư kết hợp”: “Học nhi bất tư tắc vong; Tư nhi bất học tắc đãi” (Học mà không tư duy thì uổng phí; Tư duy mà không học chu đáo thì nguy hiểm).

Mười vấn đề tư duy trên là cơ sở để cùng có tư duy hệ thống và quan trọng là tư duy sáng tạo. Trong bước phát triển của thời đại tri thức, Nguyễn Cảnh Toàn nhắc nhở thế hệ trẻ phải được trang bị năm loại tư duy nền tảng: Tư duy bảo toàn; Tư duy

vượt khung; Tư duy sơ đồ; Tư duy quy trình; Tư duy về cách tư duy.

b. Trường học ngày nay là đối tác với ngành công nghiệp

Trong “Giáo dục trong thời đại tri thức”, John Vũ nêu quan điểm: “Trong hệ thống giáo dục truyền thống, trường học là “thực thể độc lập” được cộng đồng hàn lâm quản lý để xác định cái gì cần dạy và cái gì sinh viên phải học. Trong hệ thống giáo dục mới (tức Hệ thống giáo dục của CMCN 4.0/ thời đại tri thức). Trường học là đối tác với ngành công nghiệp để tạo ra giáo trình đáp ứng cho nhu cầu của ngành công nghiệp”.

Ông nhấn mạnh: “... Trường học là nơi kinh doanh về đào tạo, còn công nghiệp là kinh doanh thuê nhân lực có chất lượng. Bên cạnh đó, nếu trường học có thể làm cho sinh viên thành người cả đời, thì công nghiệp giáo dục có thể là việc đào tạo và học tập cho mọi công dân. Do đó sự cộng tác đem sinh viên, giáo viên, cha mẹ và công nghiệp lại cùng nhau là nền tảng của xã hội tri thức” [3, tr. 18].

c. Thúc đẩy tư duy quản trị nhà trường

Điều John Vũ nêu ra là cho các nhà trường của bậc học phổ cập. Thế nhưng giờ đây ngay tại những trường bình thường ở cấp học phổ cập cũng phải ý thức sự đào tạo của mình là quá trình “Nhân cách - Nhân lực” cho cộng đồng. Vô luận nhà trường nào thì thị trường nhân lực cũng là mục đích cuối cùng của tiến trình đào tạo. Người điều hành nhà trường nào cũng phải có tư duy: Lãnh đạo, Quản lý - Quản trị nhà trường.

Tư duy quản trị nhà trường đã được đề cập 3 lần trong NQ 29/TW khóa XI. Tiếc rằng từ “quan điểm” đến sự vận động còn quá chậm chạp. Người hiệu trưởng không được phép thờ ơ với các phạm trù: chi phí cho đào tạo (expenditures), quá trình đào tạo (cost), phải nhạy bén với quy luật giá trị, quy luật thị trường, quy luật cung cầu tác động vào tiến trình đào tạo, phải đề phòng xu hướng thương mại hóa giáo dục tiêu cực: thầy là chủ tiệm, trò là người mua hàng, mua nhiều bán nhiều, mua ít bán ít (ý tưởng của Giáo sư Phạm Minh Hạc), song phải điều hành nhà trường chống được

sự lãng phí của xã hội về nhân, tài và lực mà nhà trường được cung ứng.

2.2.2. Xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân đảm bảo cho công dân được “Giáo dục thường xuyên - Đào tạo liên tục - Học tập suốt đời” theo tinh thần “Thực học - Thực nghiệp”

Theo minh triết của nền giáo dục cách mạng, đất nước đã xây dựng được hệ thống giáo dục quốc dân theo các tiêu chí dân tộc - khoa học - đại chúng. Ngày nay theo động thái CMCN 4.0/ thời đại tri thức hệ thống này đòi hỏi phải quán triệt tinh thần dân chủ, đảm bảo cho mọi công dân đều được đi học, học được, được phát triển phẩm chất - năng lực một cách toàn vẹn.

Tinh thần “Thực học - Thực nghiệp” phải được thấm vào tiến trình đào tạo của mọi loại hình nhà trường trong hệ thống này. John Vũ có sự khái quát về các hệ thống giáo dục đã diễn ra: “Có ba kiểu hệ thống giáo dục tồn tại ngày nay, giáo dục truyền thống, giáo dục thời đại công nghiệp và giáo dục thời đại thông tin.

Hệ thống giáo dục truyền thống đã tồn tại hàng nghìn năm tập trung vào tri thức cơ bản của “xã hội nông nghiệp” với “học thuộc lòng” là quan trọng và thành công dựa trên việc đỗ kỳ thi. Sau khi tốt nghiệp, phần lớn sinh viên sẽ làm việc cho Triều đình (Hoàng đế). Hệ thống này bây giờ bị hầu hết các nhà giáo dục coi như cổ lỗ.

Hệ thống giáo dục thời đại công nghiệp đã tồn tại trong ba trăm năm tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của công nghiệp với “Sinh viên học quy trình sản xuất số đông” để tạo ra các sản phẩm chế tạo nào đó. Trong hệ thống này, sinh viên học mọi thứ họ cần biết trong nhà trường và giáo dục thông thường chấm dứt sau khi tốt nghiệp. Thành công được dựa trên việc kiếm được việc làm trong công nghiệp chế tạo. Hệ thống này đang sớm trở nên lỗi thời và không còn tính bình đẳng để thành công trong kinh doanh ngày nay.

Hệ thống giáo dục thời đại thông tin tương đối mới, tập trung lớn vào tri thức kỹ thuật và ứng dụng của công nghệ để giải quyết các vấn đề kinh doanh. Sinh viên học kiến thức nền tảng trong Nhà trường, tuy nhiên giáo dục không chấm dứt ở

đó mà tiếp tục trong cả đời vì công nghệ bao giờ cũng thay đổi.

Thành công được dựa trên tri thức và kỹ năng mà cá nhân thu được trong cuộc sống, trong công việc thực tế và điều chỉnh theo mọi tình huống mà người đó gặp [3, tr. 54-55].

Hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta hiện nay phải chú ý sự phát triển đồng bộ cả 3 loại hình:

- Giáo dục trường quy chính quy (Formal Education/FE);

- Giáo dục trường quy phi chính quy (NonFormal Education/ NFE);

- Giáo dục phi trường quy (Informal Education/ IFE).

“FE” và “NFE” đã có sự chú ý nhất định và đang có những thành tựu đáng trân trọng. “IFE” còn chưa có sự đầu tư công phu mặc dù đây là “binh chủng” có tác động mạnh vào phương châm xây dựng xã hội học tập để mọi công dân được “Giáo dục thường xuyên - Đào tạo liên tục - Học tập suốt đời”.

70 năm trước đây, (tháng 3/1947), Bác Hồ về công tác tại Thanh Hóa đã chỉ thị cho tính năng xây dựng: mỗi gia đình là một nhà trường (Bác dùng cụm từ “Gia đình học hiệu”), mỗi người đều là một “Tiểu giáo viên”.

Những điều Bác Hồ nêu hoàn toàn trùng khớp với quan điểm của UNESCO đang quảng bá trong bối cảnh hiện đại.

2.2.3. Xác định hệ giá trị phù hợp với biến đổi của thời đại, bảo toàn văn hóa dân tộc và rèn luyện trí tuệ hiểu biết: Tu thân đúng; Xử thế sáng khôn; Dưỡng sinh tích cực. Theo “Chân - Thiện - Mỹ và Tình Nghĩa”

a. Cái đích của nhà trường và hệ thống giáo dục hướng tới là nhân cách của thế hệ trẻ

Từng có nhiều lời bàn cho mô hình nhân cách mà nhà trường và nền giáo dục phải hướng tới.

Tiếp cận theo con người quan hệ, con người bốn phận có mô hình nhân cách: *Yêu quý tự trọng bản thân; Yêu gia đình - yêu Tổ quốc; Yêu lao động; Yêu hòa bình; Yêu quý, bảo vệ thiên nhiên, môi trường.*

Tiếp cận con người đạo đức có mô hình nhân cách: *Lễ - Nghĩa - Liêm - Sỉ (Quản Trọng); Cần - Kiệm - Liêm - Chính (Hồ Chí Minh).*

Chương trình tổng thể của Bộ Giáo dục - Đào tạo (văn bản ngày 14/03/2017) đề xuất các giá trị: Yêu nước, yêu con người, chăm học, chăm làm, trung thực, bản lĩnh.

Tiếp cận con người tư duy, có mô hình nhân cách: *Tư duy nguyên tắc; Tư duy tổng hợp; Tư duy sáng tạo; Tư duy tôn trọng; Tư duy đạo đức.*

b. Nhà văn hóa Nguyễn Khắc Viện (1913-1997), có nêu lên ba việc mà Nhà trường phải giáo dục và rèn luyện cho thế hệ trẻ bao gồm: *Tu thân đúng; Xử thế sáng khôn; Dưỡng sinh tích cực.*

Đó là tiếp cận con người hành động, bao quát cả ba tiếp cận đã có: con người bốn phận, con người đạo đức, con người tư duy.

Ai đó chỉ tu thân (+), xử thế (+) mà dưỡng sinh (-) hoặc xử thế (+), dưỡng sinh (+) mà tu thân (-) hoặc tu thân (+), dưỡng sinh (+) mà xử thế (-) đều không có nhân cách trọn vẹn.

Nguyễn Khắc Viện nói điều này từ năm cuối của thế kỷ trước xem ra ngày nay vẫn hoàn toàn đúng cho bối cảnh mà giáo dục đang vận động; tiến lên kỹ thuật đang có những thay đổi ngoạn mục.

Trước bối cảnh người có quan niệm: phẩm chất là một thành phần của năng lực.

Theo Klaus Schwab, Giám đốc điều hành Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF): “Chúng ta đang trong thời khắc lờ mờ của lịch sử”, khi phải đối mặt với những bất ổn về kinh tế, chính trị, di cư, khủng bố và có những niềm tin về thế chế, đạo đức và năng lực lãnh đạo”.

WEF khuyến cáo sinh viên thế kỷ XXI cần phải có các năng lực/kỹ năng sau:

Nhóm 1 gồm 6 kỹ năng và kiến thức nền tảng: Kiến thức ngôn ngữ; Số và toán; Kiến thức khoa học; Kiến thức ICT; Kiến thức tài chính; Kiến thức văn hóa và dân sự.

Nhóm 2 gồm 4 kỹ năng mềm: Tư duy phản biện, giải quyết vấn đề; Tư duy sáng tạo; Tư duy giao tiếp; Tư duy hợp tác.

Nhóm 3 gồm 6 kỹ năng: Tìm tòi; Sáng kiến;

Kiên trì; Thích ứng hoàn cảnh; Năng lực dẫn dắt; Nhận diện xã hội và văn hóa.

Lý luận giá trị học ở nước ta khẳng định tình người, tính người - Hai giá trị cội nguồn của đạo làm người.

Tình là “Tâm lòng”; Nghĩa là “Trách nhiệm”. Tâm lòng và trách nhiệm không tồn tại vu vơ mà phải quyện vào nhau, gắn với đời sống thực tiễn của cộng đồng, xã hội. Hai nhân tố này là giá đỡ cho “nhân cách”. “Tâm lòng” không dẫn đến “Trách nhiệm” thì con người sống hời hợt. “Trách nhiệm” không chứa đựng “Tâm lòng” thì con người sống máy móc, có khi giả dối. Con người sống toàn vẹn là con người có tâm lòng nhân ái phát triển đồng bộ với ý thức trách nhiệm cao trước các nghĩa vụ do gia đình, xã hội đặt ra. Nếu hai điều này rời rạc thì nhân cách méo mó. “Tình - nghĩa” ⇔ “Tâm lòng - Trách nhiệm” vì thế luôn luôn là hai giá đỡ cho con người tu thân tích cực - xử thế sáng khôn và dưỡng sinh tích cực.

Bác Hồ trong những ngày cuối cùng trước lúc đi xa hỏi ông Hà Huy Giáp và học trò, đồng chí của mình là nhân dân ta sống với nhau như thế nào? Ông Hà Huy Giáp có thưa với Bác: “Nhân dân ta sống tối lửa tắt đèn có nhau”, Bác đã dặn lại: “Đúng là như vậy, nhân dân ta sống có tình, có nghĩa. Hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin là phải sống với nhau có tình, có nghĩa. Nếu thuộc bao nhiêu sách mà sống không có tình có nghĩa thì sao gọi là hiểu chủ nghĩa Mác-Lênin”. Như vậy, đối với Bác Hồ thì “Minh triết Mác-Lênin” là “Sống có tình nghĩa”.

Nhà văn hóa Đào Duy Anh tựa vào một ý thơ của tiền nhân: “Thế gian vạn sự giai bào ảnh - Thiên kiếp duy dư nhất điểm tình” đã cảm thán trong lời ý “Nhớ nghĩ chiều hôm” - “Xem ra hết thảy đều mây nổi; Còn với non sông, một chữ tình”.

2.2.4. Đào tạo, bồi dưỡng hiệu trưởng các nhà trường có phong cách quản lý của nhạc trưởng

Từ năm 1976, ở nước ta ra đời hệ thống đào tạo và bồi dưỡng hiệu trưởng với nhận thức: Họ là các “sĩ quan” của ngành. Có “sĩ quan” giỏi, có nhà trường tốt, có sản phẩm giáo dục tốt. Nhiều thế hệ hiệu trưởng của đất nước để làm việc theo phương

châm: “Trái tim tôi hiến dâng cho trẻ” (Thông điệp của Xukhômloski - nhà giáo dục học Xô Viết khả kính”. Ngày nay trong cuộc đổi mới, họ phấn đấu không chỉ là người lãnh đạo bao quát, yêu quý đổi mới, còn là người quản trị tỉ mỉ đối với quá trình giáo dục.

John Vũ có nói tới phong cách hiệu trưởng trong cách mạng CMCN 4.0/thời đại tri thức phải là “Nhạc trưởng”. Ông thuật lại trong một bữa ăn trưa, ông đã được nghe một vị nhạc trưởng tài ba tâm sự: “Nhạc trưởng là người duy nhất trong dàn nhạc mà không tạo ra âm thanh... Nhạc trưởng không phải là người chứng tỏ tính sáng tạo của mình qua nhạc cụ mà họ bị phán xét bởi khả năng tạo ra môi trường mà trong đó các tài năng của nhạc công có thể nổi lên và chất lượng của buổi diễn có thể được thính giả trải nghiệm”.

Người bạn của John Vũ có sự liên hệ: “Nhạc trưởng không khác với hiệu trưởng nhà trường”. “Hiệu trưởng bị phán xét bởi khả năng tạo ra môi trường học tập, trong đó tài năng của các giáo viên nổi lên và chất lượng việc dạy của họ có thể cải tiến năng lực học tập của người học...”.

John Vũ chia sẻ cảm nghĩ: “Dàn nhạc có một nhạc trưởng và nhiều nhạc công. Nhạc trưởng là người lãnh đạo và nhạc công là người quản lý, họ quản lý nhạc cụ riêng để chơi nhạc. Trường học có một hiệu trưởng và nhiều giáo viên.

Hiệu trưởng là người lãnh đạo và giáo viên là người quản lý lớp học riêng của họ. Lãnh đạo và quản lý không như nhau nhưng lại được liên kết và bổ sung cho nhau. Việc của nhạc công là trình diễn năng lực nghệ sĩ tốt nhất của họ, giáo viên cần tổ chức lớp theo khả năng chuyên môn tốt nhất của họ. Việc của nhạc trưởng là truyền cảm hứng và động viên. Việc của hiệu trưởng cũng là truyền cảm hứng và động viên... Hiệu trưởng có nhiệm vụ phát triển, cung cấp viên kiển cho trường học. Hiệu trưởng giống như nhạc trưởng” [3, tr. 251].

Trước John Vũ, Peter Drucker - nhà quản lý thực tiễn tài ba có nói đến ba phong cách quản lý trong bối cảnh hiện đại: Phong cách nhạc trưởng; Phong cách chỉ huy quân đội; Phong cách huấn luyện viên bóng đá (những trận đi tranh giải).

Tiếp thu lời khuyên của Peter Drucker, một hiệu trưởng trường đại học có nhiều thành công đã thuật lại kinh nghiệm của bản thân: Điều hành giảng viên dùng phong cách nhạc trưởng; Điều hành sinh viên dùng phong cách chỉ huy quân đội; Điều hành cán bộ phòng ban dùng phong cách huấn luyện viên bóng đá (những trận đi tranh giải).

Người hiệu trưởng ngày nay vô luận lãnh đạo nhà trường loại hình nào cũng phải hài hòa ba năng lực:

+ Năng lực công việc: Chọn việc đúng mà làm, làm khéo việc đã chọn;

+ Năng lực quan hệ với con người: Đưa đối thủ thành đối tác; Đưa đối tác thành đồng minh; Đưa đồng minh thành đồng chí; Đưa đồng chí thành tri ân.

+ Năng lực tư duy phản biện.

2.3. “Vượt gộp” trong “đổi mới” để giáo dục thành công trong CMCN 4.0/ thời đại tri thức

Trong tiến trình phát triển, giáo dục Việt Nam luôn đi tìm sự canh tân để nhập bước với thời đại. “Vượt gộp” được đặt ra như một yêu cầu trong mỗi lần canh tân. “Vượt gộp” có nghĩa là tiếp thu cái mới nhưng đổi mới được nó trên cơ sở một cái cũ cũng đã được đổi mới cho thích hợp với hoàn cảnh mới. Nó có nghĩa là bảo vệ được cái cũ lẫn cái mới sao cho thích hợp với sự đổi mới cần phải tiến hành. Như vậy “Vượt gộp” không phải là nhắm mắt chạy theo cái mới, vứt bỏ cái cũ, cũng không phải là khư khư giữ lấy cái cũ, từ bỏ cái mới” [4, tr. 31].

Trong thế kỷ XX, giáo dục đất nước đã có 3 lần “vượt gộp” để lại kết quả ấn tượng:

Lần 1, Đông Kinh Nghĩa Thục (1907) là sự vượt gộp “Nhà trường bút sắt” buổi sơ khai du nhập vào Việt Nam với “Nhà trường bút lông” đã có từ ngàn năm tạo nên mô hình giáo dục thực học, thực nghiệp. Đông Kinh Nghĩa Thục tuy chỉ tồn tại 9 tháng, nhưng là cuộc cách mạng âm thầm để lại nhiều bài học quý giá cho sự phát triển giáo dục và còn ý nghĩa đến ngày nay.

Lần 2, Nhà trường Việt Nam theo chương trình Hoàng Xuân Hãn, từ 3/1945 cho đến thập niên 50 của thế kỷ XX là sự vượt gộp “Nhà trường duy

lý” của phương Tây với nhà trường đại chúng có từ phong trào truyền bá Quốc ngữ (1938) tạo nên nền giáo dục có triết lý phát triển: Dân tộc/ Khoa học/ Đại chúng. Sau này được chuyển thành: Dân tộc - Dân chủ - Khoa học.

Lần 3, Mô hình Trường Bắc Lý (từ 1960 nối tiếp đến cải cách giáo dục lần thứ ba 1979) là sự vượt gộp nhà trường lao động của Marx với nhà trường Việt Nam thời kháng chiến tạo nên nhà trường phổ thông lao động kỹ thuật tổng hợp, đào tạo thế hệ trẻ có nhân cách đóng góp xứng đáng vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Ngày nay trong tiến trình thực hiện đổi mới giáo dục theo tinh thần NQ 29/TW khóa XI tại các địa phương, các nhà trường vẫn âm thầm diễn ra sự “vượt gộp” với tinh thần Tam hóa.

- Hiện đại hóa tinh hoa giáo dục của tiền nhân.

- Việt Nam hóa giá trị giáo dục tiên tiến của thời đại: Giá trị giáo dục ASEAN; Giá trị giáo dục từ các nước phát triển; Giá trị giáo dục từ UNESCO.

- Lành mạnh hóa đời sống giáo dục để: Trường ra trường - Lốp ra lốp; Thầy ra thầy - Trò ra trò; Dạy ra dạy - Học ra học.

Ở Hà Nội, Trường Phổ thông trung học Đinh Tiên Hoàng thực hiện triết lý phát triển:

“Đ”: Đổi mới căn bản và toàn diện quá trình giáo dục chuyển từ truyền thụ tri thức sang phát triển toàn diện phẩm chất năng lực cho thế hệ trẻ;

“T”: Thầy tự trọng - Trò tự lực;

“H”: Toàn trường “Ham học - Ham làm - Ham tiến bộ”.

Ở Bình Dương, Trường Đại học Bình Dương thực hiện triết lý 4H: Học - Hỏi - Hiểu - Hành. Đó là lời Bác Hồ dạy năm 1949 khi Bác đến dự khai giảng trường Nguyễn Ái Quốc; Thầy - Trò từ “4H” phấn đấu xây dựng nhà trường thành tổ chức biết học hỏi (learning organization).

3. Kết luận

Năm 2007, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người mà Giáo sư Phạm Minh Hạc tôn vinh: Nhà giáo - tướng quân rồi vị tướng làm giáo dục, trong

một luận văn tâm huyết cho đời mới giáo dục đã nêu lên sự kỳ vọng các nhà trường Việt Nam đào tạo lớp người có: “*Tư duy độc lập, có phương pháp tư duy hệ thống và cái nhìn toàn thể, có năng lực sáng tạo và tinh thần đổi mới, có khả năng thích ứng với sự thay đổi thường xuyên, đa dạng, phức tạp đầy biến động bất ngờ và bất định, có năng*

lực hành động hiệu quả và tinh thần hợp tác trong một môi trường đa văn hóa của một thế giới toàn cầu hóa” [5].

Giáo dục Việt Nam chỉ thành công trong CMCN 4.0/ thời đại tri thức nếu quán triệt điều di huấn của Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nêu ở trên./.

Tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Quốc Bảo, Phạm Minh Giản (2019), *Dòng chảy giáo dục Việt từ truyền thống đến hiện đại: ghi chép -liên tưởng- thu hoạch*, NXB Thông tin và Truyền thông.

[2]. Bài nói chuyện của Phó Giáo sư Lê Kim Long - Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cho giáo viên trường Olympia ngày 7/3/2017.

[3]. John Vũ (2016), *Giáo dục trong thời đại tri thức*, NXB Lao động, Hà Nội.

[4]. Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa, Hà Nội.

[5]. Nhiều tác giả (2007), *Những vấn đề giáo dục hiện nay: quan điểm và giải pháp*, NXB Tri thức, Hà Nội.

[6]. Quỹ Hòa bình và phát triển Việt Nam (2016), *Hệ giá trị - mục tiêu phát triển nhân cách người học của hệ thống giáo dục*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

THE 4.0 INDUSTRIAL REVOLUTION AND ITS CHALLENGES TO VIET MIND AND EDUCATION

Abstract

The 4.0 Industrial Revolution has brought both opportunities and challenges to Vietnam's education. Hence, understanding and applying creatively its best practices to the current situation of Vietnam's education is the present concern among many researchers. This article aims to present specifically fundamental features of this revolution relating to the missions of the nation's education; thence to propose four crucial solutions to developing Vietnam's education, namely renovating schools, constructing educational system, identifying value system, training young generation, training and retraining school principals.

Keywords: The 4.0 Industrial Revolution, Vietnam's education, Viet Mind.